

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
1	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	HK1	9.0 ₆	8.0 ₁₆	8.8 ₁	8.8 ₂	8.4 ₂	7.2 ₃	8.1 ₁₉	8.4 ₁₀	8.1 ₆	7.1 ₃₇	7.6 ₂₂	Đ	6.7 ₃₈		8.0 ₇	0 0	G	T	GIOI	
2	Nguyễn Thành Bắc	HK1	8.3 ₁₆	8.2 ₇	6.7 ₄₃	7.4 ₃₉	7.9 ₁₅	5.4 ₄₃	8.2 ₁₆	7.4 ₃₅	7.1 ₂₈	7.2 ₃₆	6.9 ₄₅	Đ	6.5 ₄₃		7.3 ₃₈	0 0	K	T	TT	
3	Nguyễn Hữu Bình	HK1	8.3 ₁₆	7.9 ₁₉	8.7 ₂	8.3 ₁₃	7.9 ₁₅	5.9 ₃₅	7.2 ₃₉	7.4 ₃₅	7.1 ₂₈	7.0 ₄₁	7.2 ₃₇	Đ	6.3 ₄₅		7.4 ₃₁	0 0	K	T	TT	
4	Nguyễn Thị Bình	HK1	7.8 ₂₄	7.8 ₂₃	8.6 ₆	8.0 ₂₈	8.2 ₅	6.3 ₂₂	7.8 ₂₄	8.1 ₁₈	7.6 ₁₄	8.3 ₈	7.7 ₁₇	Đ	7.0 ₃₃		7.8 ₁₇	0 0	K	T	TT	
5	Nguyễn Thị Bình	HK1	8.4 ₁₅	8.0 ₁₆	8.4 ₉	8.3 ₁₃	7.7 ₃₁	6.7 ₁₄	8.3 ₁₁	9.1 ₂	7.6 ₁₄	9.0 ₁	7.9 ₇	Đ	8.2 ₈		8.1 ₆	0 0	G	T	GIOI	
6	Nguyễn Thị Mai Chinh	HK1	7.2 ₄₁	6.5 ₄₄	7.6 ₃₂	7.8 ₃₄	8.0 ₁₁	6.8 ₁₁	8.2 ₁₆	8.9 ₃	7.4 ₂₂	7.7 ₁₉	7.5 ₂₆	Đ	7.5 ₁₉		7.6 ₂₃	0 0	K	T	TT	
7	Văn Đình Cường	HK1	7.5 ₃₄	7.3 ₃₇	8.1 ₁₉	7.6 ₃₆	7.8 ₂₈	6.1 ₃₀	7.5 ₃₃	8.1 ₁₈	6.2 ₄₃	7.3 ₃₄	7.5 ₂₆	Đ	7.3 ₂₅		7.4 ₃₁	0 0	K	T	TT	
8	Nguyễn Đăng Doanh	HK1	8.7 ₁₀	8.2 ₇	8.0 ₂₃	9.2 ₁	8.4 ₂	7.1 ₅	8.0 ₂₂	8.4 ₁₀	8.6 ₃	5.3 ₄₅	7.9 ₇	Đ	8.5 ₃		8.0 ₇	2 0	K	K	TT	
9	Lê Thị Duyên	HK1	9.1 ₄	8.2 ₇	8.3 ₁₁	8.1 ₂₂	8.7 ₁	8.2 ₁	8.3 ₁₁	8.1 ₁₈	9.3 ₂	8.1 ₁₁	7.4 ₃₁	Đ	8.1 ₁₀		8.3 ₂	0 0	G	T	GIOI	
10	Nguyễn Văn Dương	HK1	7.2 ₄₁	7.8 ₂₃	8.1 ₁₉	8.0 ₂₈	7.9 ₁₅	5.8 ₃₇	7.4 ₃₅	7.4 ₃₅	7.9 ₁₀	8.1 ₁₁	7.3 ₃₅	Đ	7.4 ₂₂		7.5 ₂₉	0 0	K	K	TT	
11	Lê Quang Đạo	HK1	7.4 ₃₆	7.5 ₃₂	7.5 ₃₅	7.1 ₄₂	7.4 ₄₀	5.6 ₄₁	7.6 ₂₉	7.9 ₂₉	7.7 ₁₁	8.0 ₁₃	7.6 ₂₂	Đ	7.7 ₁₆		7.4 ₃₁	0 0	K	T	TT	
12	Lưu Cung Đạt	HK1	8.6 ₁₂	7.5 ₃₂	8.0 ₂₃	8.1 ₂₂	7.3 ₄₅	6.2 ₂₈	7.3 ₃₇	8.1 ₁₈	6.9 ₃₃	8.4 ₄	7.1 ₄₀	Đ	8.1 ₁₀		7.6 ₂₃	0 0	K	T	TT	
13	Đặng Thị Giang	HK1	7.8 ₂₄	7.9 ₁₉	8.2 ₁₄	8.2 ₂₀	7.9 ₁₅	6.5 ₁₈	7.8 ₂₄	7.4 ₃₅	7.4 ₂₂	7.9 ₁₆	7.9 ₇	Đ	7.1 ₂₉		7.7 ₁₈	1 0	K	K	TT	
14	Nguyễn Thị Hạ	HK1	8.2 ₁₈	8.2 ₇	8.2 ₁₄	7.4 ₃₉	7.9 ₁₅	7.2 ₃	8.4 ₈	8.1 ₁₈	7.5 ₁₉	7.9 ₁₆	8.1 ₂	Đ	8.2 ₈		7.9 ₁₂	0 0	K	T	TT	
15	Trần Thị Hạ	HK1	9.0 ₆	7.8 ₂₃	7.5 ₃₅	8.3 ₁₃	7.7 ₃₁	7.1 ₅	8.5 ₆	8.1 ₁₈	6.9 ₃₃	7.4 ₂₈	8.0 ₆	Đ	6.6 ₄₀		7.7 ₁₈	0 0	K	T	TT	
16	Nguyễn Nam Hải	HK1	7.5 ₃₄	7.9 ₁₉	7.1 ₃₉	6.8 ₄₄	7.4 ₄₀	5.7 ₃₉	7.6 ₂₉	7.0 ₄₂	5.8 ₄₅	6.8 ₄₃	7.0 ₄₄	Đ	6.5 ₄₃		6.9 ₄₅	0 0	K	T	TT	
17	Bùi Thị Hằng	HK1	8.1 ₂₂	7.2 ₃₈	7.6 ₃₂	8.0 ₂₈	8.1 ₈	6.7 ₁₄	8.3 ₁₁	8.6 ₇	9.7 ₁	8.0 ₁₃	8.1 ₂	Đ	7.1 ₂₉		8.0 ₇	0 0	G	T	GIOI	
18	Trần Trung Hiếu	HK1	6.9 ₄₄	7.5 ₃₂	7.1 ₃₉	6.8 ₄₄	7.4 ₄₀	6.3 ₂₂	7.2 ₃₉	8.1 ₁₈	7.5 ₁₉	8.0 ₁₃	7.5 ₂₆	Đ	6.6 ₄₀		7.2 ₄₂	0 0	K	T	TT	
19	Lê Thị Huyền	HK1	7.9 ₂₃	7.6 ₃₀	7.4 ₃₇	8.5 ₇	7.9 ₁₅	7.4 ₂	8.5 ₆	8.8 ₅	8.1 ₆	7.6 ₂₄	7.6 ₂₂	Đ	8.4 ₄		8.0 ₇	0 0	K	T	TT	
20	Đỗ Thị Hương	HK1	9.4 ₁	8.4 ₅	8.4 ₉	8.7 ₄	8.0 ₁₁	6.8 ₁₁	8.6 ₄	8.4 ₁₀	8.2 ₄	7.1 ₃₇	7.9 ₇	Đ	7.9 ₁₄		8.2 ₃	0 0	G	T	GIOI	
21	Nguyễn Thị Hương	HK1	9.3 ₂	8.6 ₃	8.6 ₆	8.3 ₁₃	7.9 ₁₅	6.8 ₁₁	8.9 ₁	8.0 ₂₇	7.7 ₁₁	7.8 ₁₈	7.8 ₁₅	Đ	8.8 ₁		8.2 ₃	0 0	G	T	GIOI	
22	Cao Minh Khương	HK1	7.8 ₂₄	7.6 ₃₀	6.9 ₄₁	8.1 ₂₂	7.5 ₃₆	6.0 ₃₃	7.4 ₃₅	7.0 ₄₂	7.4 ₂₂	7.1 ₃₇	7.2 ₃₇	Đ	7.1 ₂₉		7.3 ₃₈	1 0	K	T	TT	
23	Vũ Thị Lam	HK1	8.2 ₁₈	7.1 ₃₉	8.1 ₁₉	8.4 ₁₁	7.8 ₂₈	6.9 ₈	7.8 ₂₄	8.3 ₁₆	7.5 ₁₉	7.7 ₁₉	7.5 ₂₆	Đ	7.5 ₁₉		7.7 ₁₈	1 0	K	T	TT	
24	Bùi Thị Linh	HK1	8.8 ₈	8.7 ₁	8.7 ₂	8.4 ₁₁	8.4 ₂	6.9 ₈	8.9 ₁	8.8 ₅	7.7 ₁₁	9.0 ₁	8.4 ₁	Đ	8.8 ₁		8.5 ₁	0 0	G	T	GIOI	
25	Nguyễn Thị Ly	HK1	8.7 ₁₀	7.1 ₃₉	7.6 ₃₂	8.1 ₂₂	7.5 ₃₆	6.5 ₁₈	7.8 ₂₄	8.4 ₁₀	7.6 ₁₄	7.4 ₂₈	7.7 ₁₇	Đ	8.0 ₁₃		7.7 ₁₈	0 0	K	T	TT	
26	Nguyễn Thanh Mai	HK1	7.6 ₃₁	6.5 ₄₄	8.1 ₁₉	8.3 ₁₃	8.0 ₁₁	6.7 ₁₄	8.2 ₁₆	9.4 ₁	7.3 ₂₅	8.6 ₃	7.8 ₁₅	Đ	7.8 ₁₅		7.9 ₁₂	3 0	K	T	TT	
27	Nguyễn Đức Hoài Nam	HK1	7.7 ₂₈	7.7 ₂₈	7.8 ₂₇	8.5 ₇	7.4 ₄₀	5.7 ₃₉	7.6 ₂₉	7.8 ₃₁	6.1 ₄₄	8.4 ₄	7.3 ₃₅	Đ	7.2 ₂₇		7.4 ₃₁	2 0	K	T	TT	
28	Phạm Văn Kiểm Nam	HK1	8.5 ₁₃	8.0 ₁₆	8.2 ₁₄	7.6 ₃₆	7.9 ₁₅	6.2 ₂₈	7.5 ₃₃	8.0 ₂₇	6.6 ₄₀	7.4 ₂₈	7.9 ₇	Đ	6.8 ₃₇		7.6 ₂₃	0 0	K	T	TT	
29	Nguyễn Danh Nghĩa	HK1	7.7 ₂₈	8.2 ₇	8.3 ₁₁	7.8 ₃₄	7.6 ₃₄	5.9 ₃₅	7.3 ₃₇	8.3 ₁₆	6.8 ₃₇	8.3 ₈	7.7 ₁₇	Đ	7.6 ₁₇		7.6 ₂₃	0 1	K	K	TT	
30	Nguyễn Đức Ngọc	HK1	7.7 ₂₈	8.1 ₁₃	6.8 ₄₂	8.5 ₇	8.1 ₈	5.6 ₄₁	6.9 ₄₂	6.4 ₄₅	7.2 ₂₇	6.8 ₄₃	7.1 ₄₀	Đ	6.7 ₃₈		7.2 ₄₂	0 0	K	T	TT	
31	Nguyễn Thị Phương	HK1	9.1 ₄	7.8 ₂₃	8.6 ₆	8.5 ₇	7.9 ₁₅	6.6 ₁₇	8.4 ₈	8.4 ₁₀	7.1 ₂₈	7.4 ₂₈	8.1 ₂	Đ	8.1 ₁₀		8.0 ₇	0 0	G	T	GIOI	
32	Đỗ Văn Quang	HK1	6.9 ₄₄	6.7 ₄₃	6.2 ₄₅	8.1 ₂₂	7.9 ₁₅	5.8 ₃₇	5.8 ₄₅	7.7 ₃₂	7.6 ₁₄	7.3 ₃₄	7.1 ₄₀	Đ	7.0 ₃₃		7.0 ₄₄	0 0	K	T	TT	
33	Phạm Danh Quyền	HK1	8.2 ₁₈	8.7 ₁	8.7 ₂	8.3 ₁₃	8.2 ₅	5.4 ₄₃	8.1 ₁₉	8.1 ₁₈	6.5 ₄₂	8.4 ₄	7.7 ₁₇	Đ	8.3 ₅		7.9 ₁₂	0 0	K	T	TT	

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tdục	GDQP		ĐTB	Nghỉ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
34	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	HK1	7.6 ₃₁	8.1 ₁₃	8.2 ₁₄	7.3 ₄₁	8.1 ₈	7.1 ₅	8.6 ₄	8.6 ₇	7.1 ₂₈	7.6 ₂₄	7.6 ₂₂	Đ	8.3 ₅		7.9 ₁₂	0 0	K	T	TT	
35	Vũ Thị Quỳnh	HK1	7.2 ₄₁	7.1 ₃₉	7.2 ₃₈	6.9 ₄₃	7.7 ₃₁	6.4 ₂₀	8.3 ₁₁	8.1 ₁₈	8.1 ₆	8.3 ₈	7.7 ₁₇	Đ	7.4 ₂₂		7.5 ₂₉	0 0	K	T	TT	
36	Phạm Khắc Sơn	HK1	8.8 ₈	7.5 ₃₂	7.7 ₂₉	8.0 ₂₈	8.0 ₁₁	6.3 ₂₂	7.7 ₂₈	7.6 ₃₃	7.6 ₁₄	7.1 ₃₇	7.5 ₂₆	Đ	8.3 ₅		7.7 ₁₈	0 0	K	T	TT	
37	Bùi Duy Tài	HK1	7.3 ₃₇	8.1 ₁₃	7.7 ₂₉	8.3 ₁₃	7.5 ₃₆	6.3 ₂₂	7.6 ₂₉	7.2 ₄₀	6.8 ₃₇	7.0 ₄₁	7.2 ₃₇	Đ	7.0 ₃₃		7.3 ₃₈	0 0	K	T	TT	
38	Phạm Phương Thảo	HK1	9.2 ₃	8.2 ₇	8.0 ₂₃	8.8 ₂	8.2 ₅	6.9 ₈	8.9 ₁	8.9 ₃	7.1 ₂₈	8.4 ₄	8.1 ₂	Đ	7.5 ₁₉		8.2 ₃	0 0	G	T	GIOI	
39	Lê Văn Thuận	HK1	8.2 ₁₈	7.7 ₂₈	7.9 ₂₆	7.6 ₃₆	7.9 ₁₅	6.1 ₃₀	8.3 ₁₁	8.5 ₉	6.8 ₃₇	7.7 ₁₉	7.4 ₃₁	Đ	7.6 ₁₇		7.6 ₂₃	1 0	K	T	TT	
40	Bùi Thị Thủy	HK1	7.3 ₃₇	7.9 ₁₉	7.7 ₂₉	8.0 ₂₈	7.6 ₃₄	6.4 ₂₀	8.4 ₈	7.9 ₂₉	6.9 ₃₃	7.7 ₁₉	7.9 ₇	Đ	7.3 ₂₅		7.6 ₂₃	0 0	K	T	TT	
41	Vũ Duy Tiến	HK1	8.5 ₁₃	6.8 ₄₂	8.3 ₁₁	8.6 ₅	7.8 ₂₈	6.3 ₂₂	6.8 ₄₃	7.5 ₃₄	6.6 ₄₀	7.4 ₂₈	7.4 ₃₁	Đ	7.2 ₂₇		7.4 ₃₁	0 0	K	T	TT	
42	Phạm Đức Trung	HK1	7.3 ₃₇	7.5 ₃₂	6.7 ₄₃	8.6 ₅	7.9 ₁₅	6.0 ₃₃	6.8 ₄₃	6.9 ₄₄	7.3 ₂₅	7.6 ₂₄	7.4 ₃₁	Đ	7.1 ₂₉		7.3 ₃₈	0 0	K	T	TT	
43	Nguyễn Việt Trung	HK1	7.6 ₃₁	7.8 ₂₃	7.8 ₂₇	8.0 ₂₈	7.4 ₄₀	6.1 ₃₀	7.9 ₂₃	7.1 ₄₁	6.9 ₃₃	7.6 ₂₄	7.9 ₇	Đ	6.9 ₃₆		7.4 ₃₁	0 0	K	T	TT	
44	Nguyễn Danh Việt	HK1	7.3 ₃₇	8.5 ₄	8.2 ₁₄	8.2 ₂₀	7.5 ₃₆	5.3 ₄₅	7.1 ₄₁	7.4 ₃₅	8.0 ₉	7.7 ₁₉	7.1 ₄₀	Đ	6.6 ₄₀		7.4 ₃₁	0 0	K	T	TT	
45	Bùi Thị Yên	HK1	7.8 ₂₄	8.3 ₆	8.7 ₂	8.1 ₂₂	7.9 ₁₅	6.3 ₂₂	8.1 ₁₉	8.4 ₁₀	8.2 ₄	7.4 ₂₈	7.9 ₇	Đ	7.4 ₂₂		7.9 ₁₂	0 0	K	T	TT	

Số ngày nghỉ có phép: 11

Số ngày nghỉ không phép: 1

Hạnh kiểm:

- Tốt: 41

- Khá: 4

- Trung bình: 0

- Yếu: 0

Học lực:

- Giỏi: 9

- Khá: 36

- Trung bình: 0

- Yếu: 0

- Kém: 0

Danh hiệu:

- Giỏi: 9

- Tiên tiến: 36

Ngày..... tháng..... năm

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm

HIỆU TRƯỞNG

(chữ ký, họ tên, đóng dấu)